

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2019/DS-ST  
Ngày 03 tháng 5 năm 2019  
*“V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Mỹ
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vương Tấn Lập – Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia  
phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 92/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: Khu C, bán đảo L, phường H, quận M, Thành phố Hà Nội;
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân Tr – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ: số X, đường H, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai; theo quyết định ủy quyền số 24/QĐ-NHCS ngày 22/6/2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.
- Bị đơn: Ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L  
Cùng địa chỉ: Thôn X, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Xuân Tr trình bày như sau:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày 18/8/2016 (BL14) và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn của tổ tiết kiệm và vay vốn ngày 22/8/2016 (BL13), Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G (Ngân hàng) đã giải ngân cho hộ gia

đình do ông Hà Văn B chủ hộ làm đại diện, vay vốn theo diện hộ cận nghèo, với số tiền 40.000.000đ, không có tài sản đảm bảo, lãi suất trong hạn 0,66%/tháng, lãi suất quá hạn 0,858%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng, trả lãi tiền vay vào ngày 18 hàng tháng, trả tiền gốc 12 tháng/lần với mỗi lần 13.300.000đ. Mục đích vay để chăm sóc vườn cà phê.

Theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ (BL15), Ngân hàng đã giải ngân cho vay vào ngày 30/8/2016. Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 30/8/2019.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Hà Văn B trả tiền lãi từ ngày 30/8/2016 đến ngày 17/7/2018 là 6.021.007đ, chưa trả tiền gốc.

Do ông Hà Văn B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không cung cấp địa chỉ mới cho Ngân hàng và chính quyền địa phương, không còn sử dụng vốn vay để chăm sóc vườn cà phê, nên yêu cầu Tòa án buộc ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L là những thành viên trong hộ gia đình có tên trong Sổ vay vốn (BL13) phải trả số tiền: nợ gốc là 40.000.000đ, nợ lãi trong hạn từ ngày 18/7/2018 đến ngày 03/5/2019 là 2.508.362đ.

- *Ý kiến của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- *Kết quả xác minh của Tòa án (BL24, 25):* ông B, bà L có cư trú tại thôn 6, xã Ia Tô, huyện G, tỉnh Gia Lai nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2017, không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương; tại thời điểm tháng 8/2016, hộ gia đình ông Hà Văn B bao gồm chủ hộ là ông Hà Văn B, sinh năm 1976; vợ là bà Tạ Thị L, sinh năm 1980; các con là Hà Thị Thùy L, sinh năm 2002 và Hà Bảo A, sinh năm 2007.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, bị đơn là ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hồ sơ vay vốn. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn đã đi khỏi nơi cư trú, không xác định thời điểm trở về nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình che giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung, niêm yết

đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú, đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin và tiến hành giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 177, Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông B, bà L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn đã được tổng đạt đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến phản đối, đồng thời các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vay tiền là Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND xã I, nên có căn cứ xác định các chứng cứ này là đúng sự thật. Có căn cứ xác định ông B đã xác lập giao dịch vay số tiền 40.000.000đ, đã trả tiền lãi từ ngày 30/8/2016 đến ngày 17/7/2018 là 6.021.007đ đúng như Ngân hàng đã trình bày.

[4] Bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn, cố tình che giấu địa chỉ. Có căn cứ xác định bị đơn đã không còn sử dụng tiền vay đúng mục đích vay là để cải tạo, chăm sóc vườn cà phê, cung cấp thông tin sai sự thật, đồng thời đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi nên nguyên đơn có quyền khởi kiện, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Ngân hàng cho vay theo chương trình cho đối tượng chính sách là hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, với mục đích chăm sóc vườn cà phê. Đối tượng vay vốn là hộ gia đình, chủ thể của quan hệ dân sự theo Bộ luật Dân sự 2005, là luật có hiệu lực tại thời điểm xác lập, được áp dụng giải quyết tranh chấp trong vụ án. Ông B là chủ hộ gia đình đại diện xác lập giao dịch vay tiền của Ngân hàng vì lợi ích chung của hộ gia đình nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về hộ gia đình ông B và B tài sản chung của cả hộ hoặc nếu không đủ thì các thành viên của hộ phải liên đới trả B tài sản riêng theo quy định tại các điều 107, 110 của Bộ luật Dân sự 2005.

[6] Bị đơn không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ, đồng thời theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không có căn cứ xác định được tài sản chung của hộ gia đình ông B và các thành viên nào đóng góp, tạo lập hoặc được tặng cho chung, thừa kế chung và thỏa thuận là tài sản chung theo quy định tại Điều 108 Bộ luật Dân sự 2005.

[7] Điều 110 của Bộ luật Dân sự 2005 quy định về việc các thành viên của hộ gia đình phải chịu trách nhiệm liên đới B tài sản riêng khi tài sản chung của hộ không đủ thực hiện nghĩa vụ, tuy nhiên lại không quy định cụ thể những thành viên nào phải thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ vào nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận và khả năng xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của cá nhân, Hội đồng xét xử xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về các thành viên của hộ gia đình có công sức đóng góp vào hoạt động kinh tế

chung và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền là ông B, bà L theo quy định tại các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106 của Bộ luật Dân sự 2005.

[8] Bị đơn không còn sử dụng vốn vay vào đúng mục đích vay, vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khi đến hạn theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi trước thời hạn cuối cùng là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ, nợ lãi từ ngày 18/7/2018 đến ngày xét xử 2.508.362đ, tổng cộng 42.508.362đ, chia phần mỗi người 21.290.181đ.

[9] Về án phí: ông B, bà L phải chịu 2.125.418đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều 39, 40, 147, 192, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều 4, 17, 18, 19, 20, 106, 107, 108, 110 của Bộ luật Dân sự 2005;

Tuyên xử:

1. Ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 40.000.000 (mười bảy triệu đồng) nợ gốc và 2.508.362đ (hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng) nợ lãi, mỗi người trả 21.290.181đ (hai mươi một triệu hai trăm chín mươi nghìn một trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là 10,296%/năm.

2. Ông Hà Văn B và bà Tạ Thị L phải liên đới nộp số tiền 2.125.418đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm mười tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, mỗi người 1.062.709đ (một triệu không trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm lẻ chín đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện G;
- Chi cục THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(đã ký tên, đóng dấu)*

**Nguyễn Văn Huy**